

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 214/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: A. Trụ sở: Số 35 đường B, quận C, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Bà D. Người được ủy quyền lại: Ông E, chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đồng bị đơn: Bà H, sinh năm: 1980 và ông I, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến hết ngày 21 tháng 3 năm 2021, ông I và bà H còn nợ A tổng cộng: 290.683.219 đồng (bằng chữ: *Hai trăm chín mươi triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn hai trăm mười chín đồng*) trong đó nợ vốn: 164.340.000 đồng, lãi trong hạn: 99.953.219 đồng; lãi quá hạn: 26.390.000 đồng.

2.2. Ông I, bà H đồng ý thanh toán cho A tổng số tiền là 290.683.219 đồng (bằng chữ: *Hai trăm chín mươi triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn hai trăm mười chín đồng*) trong đó nợ vốn: 164.340.000 đồng, lãi trong hạn: 99.953.219 đồng; lãi quá hạn: 26.390.000 đồng.

2.3. Kể từ sau ngày 21 tháng 3 năm 2021, ông I và bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của A thì lãi suất mà ông I và bà H phải tiếp tục thanh toán cho A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của A

2.4. Trong trường hợp ông I và bà H không thanh toán nợ cho A hoặc thanh toán không đầy đủ thì A có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu bán đấu giá tài sản thế chấp của ông I và bà H đã thế chấp cho A tại đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 06/11/2015 và hợp đồng thế chấp bất động sản số 293.LTR/2015/8041738/HĐTC ngày 05/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BO 087163 do UBND huyện V cấp ngày 19/3/2013, thửa số 1855, tờ bản đồ số 09 diện tích 560m² đất ở và đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại ấp M1, xã M2, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Tòa án nhân dân huyện V đã tiến hành xem xét, thẩm định tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 05/3/2021.

2.5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 680.000 đồng. A đã nộp tạm ứng 680.000 đồng, đã chi phí hết. Ông I và bà H phải chịu nộp 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng). A được nhận lại số tiền 680.000 đồng (Sáu trăm tám mươi nghìn đồng) từ tiền ông I và bà H nộp.

2.6. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 14.534.160 đồng, nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 7.267.080 đồng. A và ông I, bà H thống nhất ông I và bà H tự nguyện chịu nộp toàn bộ án phí là 7.267.080 đồng (Bảy triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm tám mươi đồng). A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 6.829.937 (Sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008357 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

2.7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Yến

